

Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ

V, ngày 12 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Anh Vương Hồng D, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 04 thị trấn V, huyện V, tỉnh G. Nguyên đơn.

- Chị Vàng Thị M, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 04 thị trấn V, huyện V, tỉnh G. Bị đơn

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vương Hồng D và chị Vàng Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân:

Anh Vương Hồng D và chị Vàng Thị M thuận tình ly hôn với nhau.

- Con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận với nhau: Chị Vàng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vương Bảo Tr, sinh ngày 20/5/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2019, phương thức cấp dưỡng 1 tháng/ lần. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định .

Anh D được phép đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

- *Về tài sản chung*: anh chị không có không đề nghị giải quyết, đồ dung tư trang cá nhân của ai người đó sử dụng.

- *Về công nợ chung*: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- *Về Án phí*:

anh Vương Hồng D tự nguyện chịu cả án phí HNGĐ-ST là 150.000 đồng và án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03449 ngày 19/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh G.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Văn Nhì